



Ký bởi: *.phuyen.gov.vn

Ngày ký: 05/02/2024 11:15:26 +0700

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Tỉnh Phú Yên

Số 4 + 5

Ngày 02 tháng 02 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

09/01/2024 Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND Ban hành Quy chế cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên 4

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

12/01/2024 Quyết định số 58/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước và lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện 15

15/01/2024 Quyết định số 63/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Dân tộc thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên 19

15/01/2024 Quyết định số 64 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và quy trình giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Hợp tác quốc tế; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quảng cáo và lĩnh 27

vực Mỹ thuật, nhiếp ảnh ...

17/01/2024	Quyết định số 74 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2023	42
18/01/2024	Quyết định số 77 /QĐ-UBND Về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực Tổ chức cán bộ thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội	64
22/01/2024	Quyết định số 85 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải	66
23/01/2024	Quyết định số 94 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập hoạt động hộ kinh doanh và lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa ...	69
26/01/2024	Quyết định số 112/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình, Thư viện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...	76
26/01/2024	Quyết định số 114 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế	88
26/01/2024	Quyết định số 118 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải	92
31/01/2024	Quyết định số 135 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải	95
31/01/2024	Quyết định số 139 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND ...	98

01/02/2024	Quyết định số 142 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo	104
01/02/2024	Quyết định số 143 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Dược phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế	110
01/02/2024	Quyết định số 148 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực Di sản văn hóa, Nhiếp ảnh, Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	113
02/02/2024	Quyết định số 152 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND ...	124

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2024/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 09 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về giá
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3825/TTr-STC ngày 20 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 01 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, các doanh nghiệp đăng ký giá, kê khai giá, các siêu thị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tạ Anh Tuấn

QUY CHẾ**Cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về giá
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 01/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu (sau đây viết tắt là CSDL) về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc cập nhật, khai thác và quản lý CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên là phần mềm được cài đặt, lưu trữ tập trung tại Sở Tài chính để thực hiện quản lý thông tin về giá các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản theo yêu cầu quản lý của nhà nước.

2. Thông tin về giá các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản (sau đây gọi là thông tin về giá) là toàn bộ các thông tin về danh mục và mức giá của các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản do các cơ quan, đơn vị, tổ chức cung cấp, cập nhật vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

3. Danh mục từ điển chung của hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên là những danh mục được sử dụng chung trong toàn hệ thống CSDL giá.

Điều 4. Điều kiện để truy cập và điều kiện vận hành CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên

1. Địa chỉ truy cập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên:

a) Địa chỉ truy cập dành cho các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị nhà nước có liên quan: <https://csdlgstc.phuyen.gov.vn>.

b) Địa chỉ truy cập dành cho người dân, doanh nghiệp, siêu thị: <https://csdlg.phuyen.gov.vn>.

2. Điều kiện vận hành:

a) Máy vi tính của người sử dụng tại các đơn vị thuộc Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan phải được kết nối với hạ tầng truyền thông của ngành hoặc phải được kết nối Internet; máy vi tính của người sử dụng tại các doanh nghiệp phải được kết nối Internet.

b) Máy vi tính của người sử dụng phải được cài đặt một trong các trình duyệt web sau: Mozilla Firefox 30.0 trở lên, Internet Explorer 8.0 trở lên và Chrome/Chromium 33.0 trở lên.

c) Thông tin nhập vào CSDL về giá tại tỉnh Phú Yên sử dụng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 và gõ dấu tiếng Việt. Các văn bản dùng hệ phông chữ khác với Unicode, phải được chuyển đổi sang định dạng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 trước khi tải vào CSDL về giá tại tỉnh Phú Yên.

Điều 5. Tài khoản sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên

1. Tài khoản quản trị:

Sở Tài chính được cấp 01 tài khoản quản trị cấp cao nhất, thực hiện các việc quản trị người dùng, phân quyền phạm vi dữ liệu, quản trị danh mục từ điển chung của hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Việc phân quyền, phạm vi dữ liệu được khai thác từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên do Sở Tài chính quyết định.

2. Tài khoản sử dụng:

a) Sở Tài chính: Cấp tài khoản cho lãnh đạo Sở Tài chính, 01 công chức làm nhiệm vụ công nghệ thông tin và công chức của Phòng Quản lý Giá và Công sản để thực hiện công việc thu thập dữ liệu, cập nhật dữ liệu, kiểm duyệt dữ liệu và khai thác dữ liệu trong phạm vi được phân quyền.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Giao thông vận tải; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất các huyện, thị xã thành phố (nơi đã hợp nhất Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng với Trung tâm Phát triển quỹ đất) và Trung tâm phát triển quỹ đất các huyện: Mỗi đơn vị được cấp 02 tài khoản gồm: 01 tài khoản dành cho Lãnh đạo Sở (hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị), 01 tài khoản dành cho công chức (hoặc viên chức) để thực hiện cập nhật và khai thác dữ liệu trong phạm vi được phân quyền.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Mỗi đơn vị được cấp 02 tài khoản, gồm: 01 tài khoản dành cho Lãnh đạo phòng, 01 tài khoản dành cho công chức để thực hiện cập nhật và khai thác dữ liệu trong phạm vi được phân quyền.

d) Các doanh nghiệp, các siêu thị (bao gồm: doanh nghiệp thực hiện đăng ký giá; doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; siêu thị điện máy; siêu thị hàng hóa, dịch vụ): Mỗi đơn vị được cấp 01 tài khoản để thực hiện cập nhật và khai thác dữ liệu trong phạm vi được phân quyền.

3. Tên tài khoản trong phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên được tạo theo nguyên tắc như sau:

a) Tài khoản người dùng là cán bộ Sở Tài chính:

[Họ][Tên đệm][Tên cán bộ][Số thứ tự (nếu có)]

Trong đó: Số thứ tự chỉ được thêm vào khi có từ 02 cán bộ có họ tên trùng nhau.

b) Tài khoản của người dùng là cán bộ các sở, ban, ngành, phòng Tài chính cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan:

[Mã hệ thống]-[Tên đơn vị]-[Mã vai trò]-[Số thứ tự (nếu có)]

Trong đó:

Mã hệ thống: Mặc định là CSDLGIA

Mã đơn vị: Theo tên viết tắt của đơn vị.

Mã vai trò: CV: Chuyên viên; LD: Lãnh đạo;

Số thứ tự (nếu có): Trong trường hợp có nhiều hơn một tài khoản có vai trò tương tự nhau tại một đơn vị sử dụng thì đặt số thứ tự là số nguyên tăng dần.

4. Cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao sử dụng các tài khoản của hệ thống phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên chịu trách nhiệm về tài khoản được giao theo quy định.

Chương II

CẬP NHẬT, KHAI THÁC CSDL VỀ GIÁ

Điều 6. Trách nhiệm cập nhật thông tin trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên

1. Sở Tài chính:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường.

b) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương.

c) Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

đ) Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà.

e) Giá tính thuế tài nguyên.

g) Giá nước sạch sinh hoạt.

h) Hệ số điều chỉnh giá đất.

i) Giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.

k) Cập nhật giá đăng ký, kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc trách nhiệm tiếp nhận theo quy định.

l) Giá trúng thầu tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung tại địa phương theo quy định của pháp luật đấu thầu.

m) Giá trúng thầu của hàng hoá, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu có giá trị trên 500 triệu đồng/tài sản trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị.

n) Danh mục nghiệp vụ: Quản trị hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

o) Giá trị tài sản được thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thẩm định được doanh nghiệp cung cấp thông tin.

p) Giá trị tài sản được thẩm định giá do Hội đồng thẩm định giá địa phương thẩm định theo đề nghị của đơn vị chủ trì thành lập Hội đồng thẩm định giá.

q) Danh sách Hội đồng thẩm định giá theo đề nghị của đơn vị chủ trì thành lập Hội đồng thẩm định giá.

r) Thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tại địa phương theo báo cáo của doanh nghiệp thẩm định giá.

s) Văn bản quản lý nhà nước về giá.

t) Các thông tin tình hình thanh tra, kiểm tra, tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Giá dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí).

b) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.

d) Văn bản quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý.

3. Sở Y tế:

a) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế) thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Giá đăng ký, kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc trách nhiệm tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá.

d) Văn bản quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý.

4. Sở Công Thương:

a) Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

b) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Giá đăng ký, kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc trách nhiệm tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá.

d) Văn bản quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý.

5. Sở Giao thông vận tải:

a) Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh.

b) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh.

c) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

d) Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

đ) Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.

e) Văn bản quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

b) Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi do địa phương quản lý.

c) Khung giá dịch vụ cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý.

d) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

đ) Giá đăng ký, kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc trách nhiệm tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá.

e) Văn bản quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Giá các loại đất.

b) Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuộc quỹ đất đơn vị quản lý.

c) Giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

e) Văn bản quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý.

8. Sở Xây dựng:

a) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.

b) Đơn giá nhà, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh.

c) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

d) Giá vật liệu xây dựng do Sở Xây dựng công bố giá.

đ) Văn bản quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý.

9. Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Giá đăng ký, kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc trách nhiệm tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá.

10. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất các huyện, thị xã thành phố (nơi đã hợp nhất Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng với Trung tâm Phát triển quỹ đất) và Trung tâm phát triển quỹ đất các huyện:

a) Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất tại địa phương thuộc phạm vi quản lý.

b) Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại địa phương thuộc phạm vi quản lý.

11. Ban Quản lý khu kinh tế Phú Yên:

a) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước thuộc phạm vi quản lý của khu kinh tế.

b) Giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương thuộc phạm vi quản lý của khu kinh tế.

12. Cục Thuế tỉnh:

Giá cho thuê đất, mặt nước trên địa bàn tỉnh.

13. Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố:

Giá giao dịch bất động sản trên thị trường để tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất.

Điều 7. Trách nhiệm cập nhật thông tin trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên của doanh nghiệp, siêu thị và cá nhân

1. Doanh nghiệp, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá:

a) Cập nhật Biểu mẫu đăng ký giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát sinh yêu cầu đăng ký giá.

b) Cập nhật Hồ sơ kê khai giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá trong thời hạn 15 ngày khi phát sinh yêu cầu kê khai giá.

2. Siêu thị hàng hoá, dịch vụ:

Cập nhật giá thị trường hàng hoá, dịch vụ do đơn vị phân phối theo định kỳ ngày 25 hàng tháng hoặc khi có yêu cầu báo cáo đột xuất trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Tần suất cập nhật dữ liệu

1. Giá thị trường hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường cập nhật định kỳ 01 lần/01 tuần.

2. Các doanh nghiệp thực hiện cập nhật Hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá hàng hoá, dịch vụ trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh khi nộp hồ sơ theo quy định của pháp luật.

3. Đối với Giá vật liệu xây dựng được cập nhật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Sở Xây dựng công bố giá.

4. Đối với giá hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá: Trong vòng 30 ngày sau khi ban hành văn bản quy định.

5. Đối với giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất; giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giá đất giao dịch bất động sản; giá cho thuê đất, thuê mặt nước; giá giao dịch bất động sản trên thị trường để tính lệ phí trước bạ đối với nhà: Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi có giao dịch phát sinh.

Điều 9. Hình thức cập nhật dữ liệu

1. Các đối tượng thuộc phạm vi triển khai CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên thực hiện cập nhật dữ liệu qua tệp Excel được kết xuất từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên hoặc nhập trực tiếp trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Thông tin, dữ liệu về giá, sau khi được công chức (hoặc viên chức) của các sở, ban, ngành, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị

xã, thành phố cập nhật vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên cần được rà soát, đánh giá, phê duyệt của công chức lãnh đạo cấp trên bằng tài khoản công chức lãnh đạo đã được cung cấp và phân quyền. Sở Tài chính chịu trách nhiệm duyệt các dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, siêu thị gửi trên phần mềm trước khi được lưu vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 10. Công khai dữ liệu

1. Sở Tài chính thiết lập các dữ liệu tự động công khai trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối với dữ liệu cần được rà soát trước khi công khai trên nhóm chức năng dành cho người dân, doanh nghiệp, siêu thị: Sở Tài chính thực hiện rà soát và công khai một tháng một lần, gồm:

a) Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

b) Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá.

Điều 11. Khai thác sử dụng thông tin trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên

1. Sở Tài chính là đầu mối chủ trì quản lý và sử dụng thông tin trong CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên nhằm cung cấp thông tin về giá phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan xây dựng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên; các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia cung cấp, cập nhật thông tin về giá phục vụ xây dựng CSDL về giá được phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Việc khai thác dữ liệu về giá ngoài phạm vi quản lý phải được Sở Tài chính phân quyền.

3. Thông tin, số liệu CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên được khai thác, sử dụng phục vụ điều hành, thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo về giá của hàng hóa, dịch vụ và các thông tin khác liên quan.

Điều 12. Thực hiện quản trị danh mục từ điển chung của hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên

1. Người quản trị hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên thực hiện quản lý danh mục từ điển chung của hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên bao gồm: Thêm mới giá trị, sửa, xóa các giá trị trong danh mục từ điển chung của hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Sở Tài chính thực hiện quản lý vai trò người dùng, phân quyền phạm vi dữ liệu và các cấu hình khác để vận hành hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 13. Khắc phục khi phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên gặp sự cố

1. Khi không truy cập được vào phần mềm CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên hoặc gặp sự cố khác khi sử dụng phần mềm thì liên hệ với Sở Tài chính để được hướng dẫn, xử lý.

2. Ngay sau khi nhận được thông tin về sự cố, Sở Tài chính tiếp nhận, hướng dẫn người sử dụng khắc phục sự cố hoặc lỗi truy cập phần mềm CSDL về giá trên

địa bàn tỉnh Phú Yên hoặc liên hệ với đơn vị cung cấp phần mềm để phối hợp xử lý sự cố kịp thời.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên vận hành thông suốt.

2. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cho việc đồng bộ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên với Hệ thống CSDL quốc gia về giá.

3. Đảm bảo an toàn cho hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

4. Thực hiện bổ sung, điều chỉnh các tài khoản truy cập theo quy định; quản lý tài khoản sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

5. Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên đối với các loại giá do Sở Tài chính báo cáo, theo dõi.

6. Thực hiện kiểm tra dữ liệu trong hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên, đôn đốc các đơn vị thực hiện cập nhật thông tin đầy đủ chính xác và đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

7. Hỗ trợ, xử lý vướng mắc của các đơn vị trong quá trình sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên; định kỳ rà soát các tài khoản truy cập CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

8. Kinh phí để vận hành CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên (giám sát môi trường cài đặt phần mềm, quản trị CSDL phần mềm, quản trị phần mềm, nâng cao hiệu năng của phần mềm, giám sát hoạt động của CSDL, kiểm tra phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến an toàn, bảo mật của phần mềm, hỗ trợ sử dụng phần mềm, chỉnh sửa các lỗi phát sinh trong quá trình sử dụng phần mềm) được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Tài chính. Sở Tài chính ký hợp đồng thực hiện vận hành với nhà cung cấp và thanh toán cho nhà cung cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Tài chính, hỗ trợ về kỹ thuật, vướng mắc phát sinh để đảm bảo hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên hoạt động ổn định, thông suốt.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi triển khai CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên

1. Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Thông báo sự cố, vấn đề cần hỗ trợ trong quá trình ứng dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên để được hỗ trợ.

3. Khai thác thông tin, báo cáo theo phân quyền trên hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

4. Quản lý đảm bảo an ninh, an toàn đối với tài khoản truy cập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên đã được cấp.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Việc quản lý, vận hành, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Phú Yên phải tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin.
2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để phối hợp xử lý.
4. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 58/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 12 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước và lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1925/QĐ-LĐTBXH ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý lao động nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 1959/QĐ-LĐTBXH ngày 22/12/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 01/TTr-SLĐTBXH ngày 03 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này công bố Danh mục 5 thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước và lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện (kèm theo Danh mục).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm cập nhật và công

khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết công khai thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

2. UBND cấp huyện có trách nhiệm niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Bộ phận một cửa và trên trang thông tin điện tử của đơn vị; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

-

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC VÀ LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, UBND CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước						
1	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (số 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa).	Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2022. - Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ. - Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ. - TTTT số 09/2016/TTT- BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ LĐTBXH. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Quyết định 1925/QĐ-LĐTBXH ngày 14/12/2023 của Bộ LĐTBXH
2	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: https://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn	Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2022. - Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ. - Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 10/12/2015 của Chính phủ - TTTT số 09/2016/TTT- BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Quyết định 1925/QĐ-LĐTBXH ngày 14/12/2023 của Bộ LĐTBXH
3	Đăng ký hợp đồng lao	05 ngày làm việc, kể từ		Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở	Quyết định 1925/QĐ-

	động trực tiếp giao kết	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2022. - Thông tư 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ LĐTBXH - Thông tư 20/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ LĐTBXH - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	LĐTBXH ngày 14/12/2023 của Bộ LĐTBXH
--	-------------------------	---------------------------	--	--	--	--------------------------------------

II. Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội

1	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (số 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa). - Nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: https://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn	Không	- Nghị định 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ - Thông tư 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2023 - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Quyết định 1959/QĐ-LĐTBXH ngày 22/12/2023 của Bộ LĐTBXH
---	---	---	---	-------	---	---

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội						
1	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Phòng Lao động - TBXH	Không	- Nghị định 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ - Thông tư 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2023 - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Quyết định 1959/QĐ-LĐTBXH ngày 22/12/2023 của Bộ LĐTBXH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 15 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Dân tộc thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 02/TTr-BDT ngày 11 tháng 1 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Dân tộc thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Dân tộc có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập quy trình điện tử liên quan trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (*tại địa chỉ: dichvucong.phuyen.gov.vn*) theo danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

2. UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Bộ phận một cửa và trên trang thông tin điện tử của đơn vị; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo đúng quy định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2024 và thay thế Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực dân tộc thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên và Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực công tác dân tộc.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

PHỤ LỤC
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN
HÀNH TRONG LĨNH VỰC DÂN TỘC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND
CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số:63/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện/Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Nội dung sửa đổi, thay thế	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Trong 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trước ngày 15 tháng 12 của năm bình chọn, công nhận người có uy tín theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 6 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg	- Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện (<i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính</i>) - Cơ quan thực hiện: UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Không	Khoản 8 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.
2	Thủ tục đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Trong 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, được thực hiện và hoàn thành ngay khi xảy ra trường hợp cần đưa ra khỏi danh sách người có uy tín theo quy định khoản 8 Điều 1 Quyết	- Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện (<i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính</i>) - Cơ quan thực hiện: UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Không	Khoản 8 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính	Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có

		định số 28/2023/QĐ- TTg			phù về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.
--	--	-------------------------------	--	--	---	---

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số:

- Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (*từ cấp xã đến cấp huyện*).

- Hoàn thành trước ngày 25 tháng 12 của năm bình chọn.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ của các thôn, buôn, khu phố - Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo UBND cấp xã chỉ đạo, phân công công chức phụ trách công tác dân tộc cấp xã giải quyết.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ, xem xét, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Công chức phụ trách công tác dân tộc cấp xã	½ ngày làm việc
Bước 3	- Tổ chức họp các ban, ngành liên quan kiểm tra kết quả bình chọn và thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận người có uy tín các thôn, buôn, khu phố	Lãnh đạo UBND cấp xã	03 ngày làm việc
Bước 4	- Ký văn bản gửi UBND cấp huyện đề nghị công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Lãnh đạo UBND cấp xã	½ ngày làm việc
Bước 5	- Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ TTHC cho UBND cấp huyện xử lý	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã	½ ngày làm việc
Bước 6	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ của các địa phương (UBND các xã, thị trấn) - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho lãnh đạo UBND cấp huyện chỉ đạo, phân công Phòng Dân tộc/Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện xử lý, giải quyết	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	½ ngày làm việc
Bước 7	- Nhận hồ sơ, xem xét, xử lý và dự thảo kết quả giải quyết	Công chức Phòng Dân tộc huyện/ Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện	½ ngày làm việc

Bước 8	- Tổng hợp, kiểm tra danh sách người có uy tín của các xã, thị trấn và lập hồ sơ đề nghị công nhận danh sách người có uy tín, trình lãnh đạo UBND huyện xem xét, phê duyệt	Công chức Phòng Dân tộc huyện/Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện	03 ngày làm việc
Bước 9	- Ký văn bản xin ý kiến gửi Ban Dân tộc tỉnh	Lãnh đạo UBND huyện	½ ngày làm việc
Bước 10	- Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ cho Ban Dân tộc xử lý	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	½ ngày làm việc
Bước 11	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ của các địa phương (UBND các huyện), vào sổ theo dõi. - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho lãnh đạo Ban chỉ đạo, phân công Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ	Văn thư Ban Dân tộc	½ ngày làm việc
Bước 12	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, xử lý hồ sơ dự thảo công văn trình Lãnh đạo Ban ký lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thẩm tra danh sách người có uy tín do các địa phương cung cấp. - Tổng hợp ý kiến thẩm tra của các đơn vị có liên quan gửi về; dự thảo kết quả giải quyết.	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	03 ngày làm việc
Bước 13	- Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trình Lãnh đạo Ban Dân tộc ký văn bản thống nhất, đề nghị UBND huyện phê duyệt kết quả TTHC.	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ Lãnh đạo Ban Dân tộc	01 ngày làm việc
Bước 14	- Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển hồ sơ đề nghị UBND huyện phê duyệt (bản điện tử và bản giấy)	Văn thư Ban Dân tộc	½ ngày làm việc
Bước 15	- Tiếp nhận văn bản thống nhất của Ban Dân tộc, kiểm tra hồ sơ - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho lãnh đạo UBND cấp huyện chỉ đạo, phân công Phòng Dân tộc/ Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện xử lý, giải quyết	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	01 ngày làm việc
Bước 16	- Phân công công chức nhận hồ sơ, xem xét, xử lý và dự thảo kết quả giải quyết	Lãnh đạo, công chức Phòng Dân tộc huyện/ Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện	02 ngày làm việc

Bước 17	- Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND huyện xem xét	Lãnh đạo Phòng Dân tộc huyện/ Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện	03 ngày làm việc
Bước 18	- Ký phê duyệt văn bản công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Lãnh đạo UBND huyện	03 ngày làm việc
Bước 19	- Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ cho Ban Dân tộc theo dõi, báo cáo UBND tỉnh - Xác nhận trên cổng dịch vụ công trực tuyến - Trả kết quả giải quyết TTHC cho các địa phương, đơn vị	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			25 ngày làm việc

2. Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (từ cấp xã đến cấp huyện).

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ của các thôn, buôn, khu phố - Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo UBND cấp xã chỉ đạo, phân công công chức phụ trách công tác dân tộc cấp xã giải quyết	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ, xem xét, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Công chức phụ trách công tác dân tộc cấp xã	½ ngày làm việc
Bước 3	- Xem xét, thẩm tra hồ sơ đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín các thôn, buôn, khu phố	Lãnh đạo UBND cấp xã	03 ngày làm việc
Bước 4	- Ký văn bản gửi UBND cấp huyện đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Lãnh đạo UBND cấp xã	½ ngày làm việc
Bước 5	- Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ TTHC cho UBND cấp huyện xử lý	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã	½ ngày làm việc
Bước 6	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ của các địa phương (UBND các xã, thị trấn) - Quét (scan) hồ sơ và chuyên hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho lãnh đạo UBND cấp huyện chỉ đạo, phân công Phòng Dân tộc/ Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện xử lý, giải quyết	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	½ ngày làm việc

Bước 7	- Nhận hồ sơ, xem xét, xử lý và dự thảo kết quả giải quyết	Công chức Phòng Dân tộc huyện/ Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện	½ ngày làm việc
Bước 8	- Tổng hợp, kiểm tra danh sách và lập hồ sơ đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín của xã, trình lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt	Công chức Phòng Dân tộc huyện/ Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện	03 ngày làm việc
Bước 9	- Ký văn bản xin ý kiến gửi Ban Dân tộc tỉnh	Lãnh đạo UBND huyện	½ ngày làm việc
Bước 10	- Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ cho Ban Dân tộc xử lý	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	½ ngày làm việc
Bước 11	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ của các địa phương (UBND các huyện), vào sổ theo dõi - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho lãnh đạo Ban chỉ đạo, phân công Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ	Văn thư Ban Dân tộc	½ ngày làm việc
Bước 12	- Nhận hồ sơ và giải quyết - Xem xét, xử lý hồ sơ, dự thảo công văn trình Lãnh đạo Ban ký lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thẩm tra danh sách đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín do các địa phương cung cấp - Tổng hợp ý kiến thẩm tra của các đơn vị gửi về; dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ	03 ngày làm việc
Bước 13	- Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết, trình Lãnh đạo Ban Dân tộc ký văn bản thống nhất, đề nghị UBND huyện phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ Lãnh đạo Ban Dân tộc	01 ngày làm việc
Bước 14	- Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển hồ sơ đề nghị UBND huyện phê duyệt (bản điện tử và bản giấy)	Văn thư Ban Dân tộc	½ ngày làm việc
Bước 15	- Tiếp nhận văn bản thống nhất của Ban Dân tộc, kiểm tra hồ sơ - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho lãnh đạo UBND cấp huyện chỉ đạo, phân công Phòng Dân tộc/ Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện xử lý, giải quyết	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	01 ngày làm việc

Bước 16	- Phân công công chức nhận hồ sơ, xem xét, xử lý và dự thảo kết quả giải quyết	Lãnh đạo, công chức Phòng Dân tộc huyện/ Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện	02 ngày làm việc
Bước 17	- Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND huyện xem xét	Lãnh đạo Phòng Dân tộc huyện/ Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện	03 ngày làm việc
Bước 18	- Ký phê duyệt văn bản đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Lãnh đạo UBND huyện	03 ngày làm việc
Bước 19	- Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ cho Ban Dân tộc theo dõi, báo cáo UBND tỉnh - Xác nhận trên cổng dịch vụ công trực tuyến - Trả kết quả giải quyết TTHC cho các địa phương, đơn vị	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	01 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			25 ngày làm việc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 15 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và quy trình giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Hợp tác quốc tế; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quảng cáo và lĩnh vực Mỹ thuật, nhiếp ảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 32/TTr-SVHTTDL ngày 4 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm: 03 thủ tục hành chính ban hành mới và quy trình nội bộ giải quyết trong lĩnh vực Hợp tác quốc tế; 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quảng cáo; 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

- Cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính liên quan

tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, cập nhật, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (địa chỉ: dichvucong.phuyen.gov.vn) theo Danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (*chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI,
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:64 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TT	Số Hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Hợp tác quốc tế							
1	1.006412	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không quy định	- Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 của Chính phủ quy định về việc thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 4184/QĐ-BVHTTD L ngày 19/12/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong Hợp tác quốc tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	1.001082	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.		- Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh và Nghị	
3	1.001091	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.phuyen.gov.vn/			

						<p>định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 của Chính phủ quy định về việc thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>- Quyết định số 4184/QĐ - BVHTT DL ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hợp tác quốc tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	
--	--	--	--	--	--	---	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Quảng cáo						

1	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng-rôn	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (Theo quyết định 1676/QĐ-UBND, ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3808/QĐ-BVHTTDL ngày 11/12/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quảng cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvu.cong.phuyen.gov.vn - Qua dịch vụ bưu chính công ích. 	3.000.000đ /giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 13/2023/TT- 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3808/QĐ-BVHTTDL ngày 11/12/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quảng cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

					BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành	
3	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ		1.500.000đ / giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, 	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3808/QĐ-BVHTTDL ngày 11/12/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quảng cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

					<p>Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL, và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.</p> <p>- Quyết định số 3808/QĐ-BVHTTDL ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quảng cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	
4	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ		1.500.000đ /giấy phép	<p>- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13.</p> <p>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.</p> <p>- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm</p>	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3808/QĐ-BVHTTDL ngày 11/12/2023 về việc công bố thủ tục hành chính

				<p>2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL, và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.</p> <p>- Quyết định số 3808/QĐ-BVHTTDL ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Văn</p>	<p>sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quảng cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>
--	--	--	--	--	--

					hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quảng cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
II. Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh						
5	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên</p> <p>- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn</p> <p>- Qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>1. Đối với tác phẩm mỹ thuật: + Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định. + Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. + Đối với tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng</p> <p>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh: + Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định. + Đối với</p>	<p>- Thông tư 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.</p> <p>- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Quyết định số 3698/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3698/QĐ-BVHTTDL ngày 01/12/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

				tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. + Đối với tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. Không	năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
--	--	--	--	---	---	--

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số Hồ sơ THC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực
1	1.004723	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	Thông tư số 12/2023/TTBVHTTDL ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành	Văn hóa

PHẦN II. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (thẩm quyền quyết định UBND tỉnh)

- Đối tượng thực hiện: Tổ chức Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:
- Thời gian giải quyết TTHC tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 9,5 ngày làm việc, tại UBND tỉnh: 5,5 ngày làm việc.**
- Quy trình giải quyết:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Công dân/ tổ chức đăng nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn Người nộp hồ sơ lựa chọn: + Nộp hồ sơ trực tuyến + Chọn thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam - Người nộp hồ sơ tải các mẫu đơn, tờ khai theo quy định và điền các thông tin theo mẫu, có thể sử dụng chữ ký số hoặc xác thực qua tài khoản định danh điện tử. - Tích hợp các hồ sơ kèm theo. - Người nộp kiểm tra, cập nhật thông tin bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, hợp pháp.	Công dân/tổ chức	
Bước 2	1. Nhận thông báo có hồ sơ mới trên Hệ thống	Công chức Sở Văn hóa,	½ ngày làm

	<p>2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin:</p> <p>2.1 Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ và hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>2.2 Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi thông báo không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do.</p> <p>2.3 Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: - Cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, gửi thông báo tiếp nhận vào tài khoản người gửi hồ sơ. - Chuyển hồ sơ đến công chức phòng thụ lý hồ sơ.</p> <p>2.4 Trường hợp người nộp hồ sơ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ, gửi thông báo từ chối yêu cầu giải quyết hồ sơ</p>	<p>Thể thao và Du lịch được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên</p>	<p>việc</p>
Bước 3	<p>1. Truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhận thông báo có hồ sơ mới và tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>2. Phân công cho công chức thụ lý hồ sơ, tham mưu giải quyết.</p> <p>3. Công chức thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ (biểu mẫu, file đính kèm). - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: thông báo bổ sung hồ sơ; nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (lãnh đạo cơ quan ký), nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo phòng phê duyệt văn bản trình UBND tỉnh (gửi kèm hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết TTHC).</p>	<p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình; công chức phòng thụ lý hồ sơ</p>	<p>6,5 ngày làm việc</p>
Bước 4	<p>Kiểm tra hồ sơ: Nếu đồng ý: Ký nháy văn bản, trình lãnh đạo Sở ký phê duyệt Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên thụ lý hồ sơ.</p>	<p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình</p>	<p>01 ngày làm việc</p>
Bước 5	<p>Xem xét ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh</p>	<p>Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>01 ngày làm việc</p>
Bước 6	<p>Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chuyển hồ sơ đến lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý</p>	<p>Công chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Văn phòng UBND tỉnh</p>	<p>½ ngày làm việc</p>
Bước 7	<p>Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ</p>	<p>Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh</p>	<p>½ ngày làm việc</p>
Bước 8	<p>Phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý hồ sơ, lập phiếu trình xử lý hồ sơ công việc, lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có); trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh cho ý kiến</p>	<p>Phòng chuyên môn</p>	<p>02 ngày làm việc</p>
Bước 9	<p>Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét</p>	<p>Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh</p>	<p>01 ngày làm việc</p>

Bước 10	Kiểm tra và ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 11	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn thư Văn phòng UBND Tỉnh	½ ngày làm việc
	Cập nhật và trả kết quả TTHC cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			15 ngày làm việc

2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (thẩm quyền quyết định UBND tỉnh)

- Đối tượng thực hiện: Tổ chức Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 3,5 ngày làm việc, tại UBND tỉnh: 3,5 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<p>Công dân/ tổ chức đăng nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn</p> <p>Người nộp hồ sơ lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nộp hồ sơ trực tuyến + Chọn thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam <p>- Người nộp hồ sơ tải các mẫu đơn, tờ khai theo quy định và điền các thông tin theo mẫu, có thể sử dụng chữ ký số hoặc xác thực qua tài khoản định danh điện tử.</p> <p>- Tích hợp các hồ sơ kèm theo.</p> <p>- Người nộp kiểm tra, cập nhật thông tin bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, hợp pháp.</p>	Công dân/tổ chức	
Bước 2	<p>1. Nhận thông báo có hồ sơ mới trên Hệ thống</p> <p>2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin:</p> <p>2.1 Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ và hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>2.2 Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi thông báo không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do.</p> <p>2.3 Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: - Cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, gửi thông báo tiếp nhận vào tài khoản người gửi hồ sơ. - Chuyển hồ sơ đến công chức phòng thụ lý hồ sơ.</p> <p>2.4 Trường hợp người nộp hồ sơ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ, gửi thông báo từ chối yêu cầu giải quyết hồ sơ</p>	Công chức Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên	¼ ngày làm việc
Bước 3	1. Truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết	Lãnh đạo Phòng	02 ngày làm

	<p>TTHC tỉnh nhận thông báo có hồ sơ mới và tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>2. Phân công cho công chức thụ lý hồ sơ, tham mưu giải quyết.</p> <p>3. Công chức thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ (biểu mẫu, file đính kèm).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: thông báo bổ sung hồ sơ; nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (lãnh đạo cơ quan ký), nêu rõ lý do.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo phòng phê duyệt văn bản trình UBND tỉnh (gửi kèm hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết TTHC).</p>	<p>Quản lý Văn hóa và Gia đình; công chức phòng thụ lý hồ sơ</p>	<p>việc</p>
Bước 4	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>Nếu đồng ý: Ký nháy văn bản, trình lãnh đạo Sở ký phê duyệt</p> <p>Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên thụ lý hồ sơ.</p>	<p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình</p>	<p>¼ ngày làm việc</p>
Bước 5	<p>Xem xét ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh</p>	<p>Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>½ ngày làm việc</p>
Bước 6	<p>Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chuyển hồ sơ đến lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý</p>	<p>Công chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Văn phòng UBND tỉnh</p>	<p>¼ ngày làm việc</p>
Bước 7	<p>Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ</p>	<p>Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh</p>	<p>¼ ngày làm việc</p>
Bước 8	<p>Phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý hồ sơ, lập phiếu trình xử lý hồ sơ công việc, lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có); trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh cho ý kiến</p>	<p>Phòng chuyên môn</p>	<p>01 ngày làm việc</p>
Bước 9	<p>Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét</p>	<p>Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh</p>	<p>01 ngày làm việc</p>
Bước 10	<p>Kiểm tra và ký duyệt văn bản</p>	<p>Lãnh đạo UBND tỉnh</p>	<p>01 ngày làm việc</p>
Bước 11	<p>Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>Văn thư Văn phòng UBND Tỉnh</p>	<p>¼ ngày làm việc</p>
	<p>Cập nhật và trả kết quả TTHC cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).</p>	<p>Công chức Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên</p>	<p>¼ ngày làm việc</p>
<p>Tổng thời gian giải quyết:</p>			<p>07 ngày làm việc</p>

3. Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (thẩm quyền quyết định UBND tỉnh)

- Đối tượng thực hiện: Tổ chức Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 2,5 ngày làm việc, tại UBND tỉnh: 2,5 ngày làm việc.**
- Quy trình giải quyết:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<p>Công dân/ tổ chức đăng nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn</p> <p>Người nộp hồ sơ lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nộp hồ sơ trực tuyến + Chọn thủ tục: Gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam <p>- Người nộp hồ sơ tải các mẫu đơn, tờ khai theo quy định và điền các thông tin theo mẫu, có thể sử dụng chữ ký số hoặc xác thực qua tài khoản định danh điện tử.</p> <p>- Tích hợp các hồ sơ kèm theo.</p> <p>- Người nộp kiểm tra, cập nhật thông tin bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, hợp pháp.</p>	<p>Công dân/tổ chức</p>	
Bước 2	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thông báo có hồ sơ mới trên Hệ thống 2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin: <ol style="list-style-type: none"> 2.1 Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ và hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 2.2 Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi thông báo không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do. 2.3 Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, gửi thông báo tiếp nhận vào tài khoản người gửi hồ sơ. - Chuyển hồ sơ đến công chức phòng thụ lý hồ sơ. 2.4 Trường hợp người nộp hồ sơ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ, gửi thông báo từ chối yêu cầu giải quyết hồ sơ 	<p>Công chức Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên</p>	<p>¼ ngày làm việc</p>
Bước 3	<ol style="list-style-type: none"> 1. Truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhận thông báo có hồ sơ mới và tiếp nhận hồ sơ. 2. Phân công cho công chức thụ lý hồ sơ, tham mưu giải quyết. 3. Công chức thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ (biểu mẫu, file đính kèm). <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: thông báo bổ sung hồ sơ; nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (lãnh đạo cơ quan ký), nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo phòng phê duyệt văn bản trình UBND tỉnh (gửi kèm hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết TTHC). 	<p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình; công chức phòng thụ lý hồ sơ</p>	<p>01 ngày làm việc</p>
Bước 4	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>Nếu đồng ý: Ký nháy văn bản, trình lãnh đạo Sở ký phê duyệt</p> <p>Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên thụ lý hồ sơ.</p>	<p>Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình</p>	<p>¼ ngày làm việc</p>

Bước 5	Xem xét ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	½ ngày làm việc
Bước 6	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chuyển hồ sơ đến lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý	Công chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 7	Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 8	Phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý hồ sơ, lập phiếu trình xử lý hồ sơ công việc, lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có); trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh cho ý kiến	Phòng chuyên môn	½ ngày làm việc
Bước 9	Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 10	Kiểm tra và ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 11	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn thư Văn phòng UBND Tỉnh	¼ ngày làm việc
	Cập nhật và trả kết quả TTHC cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			05 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 17 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 05/TTr-STP ngày 11 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2023, bao gồm:

1. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2023.

2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 74/QĐ-UBND ngày 17/01/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
I.1. LĨNH VỰC BAN DÂN TỘC					
01	Quyết định	Số 23/2016/QĐ-UBND ngày 20/6/2016	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên	19/9/2023
02	Quyết định	Số 56/2018/QĐ-UBND ngày 28/11/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên		
I.2. LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI					
03	Quyết định	Số 536/2007/QĐ-UBND ngày 19/3/2007	Về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung phân luồng tuyến giao thông các tuyến đường nội thành thành phố Tuy Hòa cho xe buýt hoạt động	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
04	Quyết định	Số 599/2007/QĐ-UBND ngày 29/3/2007	Về việc sửa đổi mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, để thực hiện Chương trình phát triển đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
05	Quyết định	Số 893/2010/QĐ-UBND ngày 07/7/2010	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo giúp triển khai các thủ tục đầu tư Dự án hầm đường bộ đèo Cả trên quốc lộ 1A qua tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
06	Quyết định	Số 1205/2010/QĐ-UBND ngày 24/8/2010	Ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển Vũng Rô, các khu vực tiếp nhận tàu biển ngoài khơi vùng biển Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
07	Quyết định	Số 1393/2010/QĐ-UBND ngày 20/9/2010	Ban hành Quy định điều kiện hoạt động phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn, có sức chở dưới 05 người hoặc bè trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
08	Quyết định	Số 14/2013/QĐ-UBND ngày 17/5/2013	Ban hành Quy định quản lý, khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023

I.3. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

09	Quyết định	Số 1421/2010/QĐ-UBND ngày 23/9/2010	Ban hành Quy định về đối tượng và mức hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng các hệ thống quản lý và công nghệ tiên tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 48/2023/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 1421/2010/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định về đối tượng và mức hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng các hệ thống quản lý và công nghệ tiên tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm	01/10/2023
10	Chỉ thị	Số 17/2008/CT-UBND ngày 06/5/2008	Về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023

I.4. LĨNH VỰC KHU KINH TẾ

11	Quyết định	Số 2159/2008/QĐ-UBND ngày 24/12/2008	Ban hành Quy định một số ưu đãi và hỗ trợ đầu tư áp dụng tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh bãi bỏ	10/01/2023
----	------------	--------------------------------------	--	--	------------

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Yên	Quyết định số 2159/2008/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của UBND tỉnh quy định một số ưu đãi và hỗ trợ đầu tư áp dụng tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
12	Quyết định	Số 09/2016/QĐ-UBND ngày 06/4/2016	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên	27/6/2023
13	Quyết định	Số 40/2019/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên		
14	Quyết định	Số 42/2016/QĐ-UBND ngày 22/8/2016	Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 50/2023/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên	16/10/2023
I.5. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI					
15	Nghị quyết	Số 42/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016	Về Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020	Được thay thế bằng Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế người thuộc hộ gia đình cận nghèo; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Phú Yên	17/7/2023
16	Nghị quyết	Số 20/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	Kéo dài thời gian thực hiện một số nội dung Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên về Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 sang năm 2021		
17	Nghị quyết	Số 18/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Quy định mức hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai	Được thay thế bằng Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND	19/12/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			nghiện ma túy và trợ giúp xã hội tỉnh Phú Yên	ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung, mức hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
18	Nghị quyết	Số 06/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019	Quy định cho vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động tỉnh Phú Yên bằng nguồn vốn địa phương	Được thay thế bằng Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh quy định cho vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động tỉnh Phú Yên bằng nguồn vốn địa phương	19/12/2023
19	Quyết định	Số 04/2014/QĐ-UBND ngày 10/3/2014	Ban hành Quy định về thủ tục, đối tượng và mức đóng góp, miễn, giảm, hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tại Trung tâm, tại cộng đồng và gia đình trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
20	Quyết định	Số 61/2016/QĐ-UBND ngày 18/10/2016	Về việc quy định mức trợ cấp, trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
21	Quyết định	Số 05/2021/QĐUBND ngày 05/02/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND tỉnh quy định mức trợ cấp, trợ giúp xã hội đối với đối tượng BTXH trên địa bàn tỉnh		
I.6. LĨNH VỰC NỘI VỤ					
22	Quyết định	Số 1110/2010/QĐ-UBND ngày 10/8/2010	Ban hành Quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 37/2023/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của HĐND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 1110/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp	12/7/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
23	Quyết định	Số 14/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014	Ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
24	Quyết định	Số 35/2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2015	Ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành	Được thay thế bằng Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành	05/8/2023
25	Quyết định	Số 54/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015	Ban hành Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với công chức, viên chức giữ chức vụ trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
26	Quyết định	Số 14/2018/QĐ-UBND ngày 03/5/2018	Ban hành Quy định về xử lý vi phạm trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định về xử lý vi phạm trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Yên	10/01/2023
I.7. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
27	Quyết định	Số 05/2019/QĐ-UBND Ngày 18/3/2019	Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh quy định Bộ tiêu chí thôn/khu dân cư nông thôn mới	28/4/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				kiểu mẫu; vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
I.8. LĨNH VỰC NGOẠI VỤ					
28	Quyết định	Số 19/2013/QĐ-UBND ngày 15/7/2013	Ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
I.9. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH					
29	Nghị quyết	Số 83/2013/NQ-HĐND ngày 01/8/2013	Về việc quy định nội dung chi, mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh	Được thay thế bằng Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên	19/12/2023
30	Nghị quyết	Số 65/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016	Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HDND tỉnh quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Phú Yên	28/10/2023
31	Nghị quyết	Số 67/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016	Quy định mức thu, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu và quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	19/12/2023
32	Nghị quyết	Số 69/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016	Quy định mức thu, quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	19/12/2023
33	Nghị quyết	Số 70/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016	Quy định mức thu, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của	19/12/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				HĐND tỉnh quy định mức thu và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
34	Nghị quyết	Số 07/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017	Quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên	17/7/2023
35	Nghị quyết	Số 25/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017	Ban hành quy định mức thu, quản lý lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, quản lý lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Phú Yên	17/7/2023
36	Nghị quyết	Số 26/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017	Ban hành Quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên	19/12/2023
37	Nghị quyết	Số 27/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017	Quy định mức thu, quản lý lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu và quản lý lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh Phú Yên	19/12/2023
38	Quyết định	Số 01/2016/QĐ-UBND ngày 12/01/2016	Về việc quy định mức chi, nội dung chi, tỷ lệ phần trăm (%) để lại cho các cơ quan thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 55/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	11/12/2023
39	Quyết	Số 27/2016/QĐ-	Ban hành tỷ lệ phân	Được thay thế bằng	01/02/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
	định	UBND ngày 01/7/2016	trăm đề tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước, đơn giá thuê mặt nước, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 20/01/2023 của UBND tỉnh ban hành tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước, đơn giá thuê mặt nước, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
40	Quyết định	Số 15/2018/QĐ-UBND ngày 11/5/2018	Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Phú Yên	03/4/2023
41	Quyết định	Số 19/2018/QĐ-UBND ngày 13/6/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh quy định nội dung, mức chi, mức trích kinh phí và tỷ lệ % để lại cho các cơ quan thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 55/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	11/12/2023
I.10. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
42	Quyết định	Số 41/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng bởi Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên	10/5/2023
43	Chỉ thị	Số 12/2004/CT-UBND ngày 13/4/2004	Về triển khai thi hành Luật Đất đai	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
44	Chỉ thị	Số 10/2006/CT-UBND ngày 04/7/2006	Về khắc phục yếu kém, sai phạm, tiếp tục đẩy mạnh tổ chức thi hành Luật Đất đai	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp	01/8/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				luật của UBND tỉnh Phú Yên	
45	Chỉ thị	Số 18/2006/CT-UBND ngày 26/5/2006	Triển khai Luật Bảo vệ môi trường 2005	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
46	Chỉ thị	Số 16/2008/CT-UBND ngày 05/5/2008	Về việc tiếp tục triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2003 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
I.11. LĨNH VỰC THANH TRA					
47	Quyết định	Số 44/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014	Ban hành Quy định về quy trình xử lý và giải quyết khiếu nại hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên thuộc lĩnh vực thanh tra	10/3/2023
48	Quyết định	Số 49/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014	Ban hành quy định về quy trình xử lý và giải quyết tố cáo trên địa bàn tỉnh Phú Yên		
49	Quyết định	Số 06/2015/QĐ-UBND ngày 02/02/2015	Quy định về tổ chức tiếp công dân của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên		
I.12. LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ					
50	Chỉ thị	Số 37/2007/CT-UBND ngày 15/11/2007	Về việc tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
51	Chỉ thị	Số 17/2009/CT-UBND ngày 12/6/2009	Về việc triển khai thực hiện Luật Thi hành án dân sự	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Phú Yên	01/8/2023
I.13. LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					
52	Quyết định	Số 21/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và	08/8/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				Truyền thông tỉnh Phú Yên	
53	Quyết định	Số 03/2018/QĐ-UBND ngày 31/01/2018	Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Công dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa điện tử liên thông tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên	24/3/2023
54	Quyết định	Số 57/2018/QĐ-UBND ngày 28/11/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên	08/8/2023
I.14. LĨNH VỰC ỦY BAN NHÂN DÂN					
55	Quyết định	Số 48/2016/QĐ-UBND ngày 12/9/2016	Ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Phú Yên nhiệm kỳ 2016-2021	Được thay thế bằng Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên nhiệm kỳ 2021-2026	27/02/2023
I.15. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH					
56	Nghị quyết	Số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thăm quan danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí tham quan danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên	28/10/2023
57	Quyết định	Số 23/2013/QĐ-UBND ngày 14/8/2013	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Được thay thế bằng Quyết định số 52/2023/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên	07/11/2023
I.16. LĨNH VỰC XÂY DỰNG					
58	Nghị quyết	Số 98/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013	Đề án Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh bãi bỏ	19/12/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				Nghị quyết số 98/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
59	Quyết định	Số 999/2008/QĐ-UBND ngày 25/6/2008	Ban hành Bảng giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn thành phố Tuy Hòa	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh Phú Yên bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15/4/2023
60	Quyết định	Số 626/2009/QĐ-UBND ngày 17/4/2009	Phê duyệt Đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở thực hiện theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh Phú Yên bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15/4/2023
61	Quyết định	Số 1531/2011/QĐ-UBND ngày 27/9/2011	Ban hành Quy định việc bán, cho thuê, cho thuê mua và quản lý sử dụng nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh Phú Yên bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15/4/2023
62	Quyết định	Số 12/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013	Ban hành quy định về cơ chế đầu tư xây dựng thực hiện bê tông hóa đường giao thông nông thôn thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh Phú Yên bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15/4/2023
63	Quyết định	Số 18/2014/QĐ-UBND ngày 13/6/2014	Ban hành Quy chế phối hợp, nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc báo cáo tình hình triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh	Được thay thế bằng Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên	10/6/2023
64	Quyết định	Số 21/2018/QĐ-UBND ngày 19/6/2018	Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			sân trên địa bàn tỉnh Phú Yên		
65	Quyết định	Số 13/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên	08/8/2023
66	Quyết định	Số 22/2019/QĐ-UBND ngày 22/6/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên		
67	Quyết định	Số 47/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016	Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc và xây dựng đường Hùng Vương, thành phố Tuy Hòa	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15/10/2023
68	Quyết định	Số 17/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017	Ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý các dự án đầu tư phát triển nhà ở xã hội có nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15/10/2023
69	Quyết định	Số 22/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017	Ban hành Quy định quản lý đầu tư xây dựng Chương trình bê tông hóa hẻm phố tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15/10/2023
70	Quyết định	Số 60/2017/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc và xây dựng tuyến đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuy Hòa	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15/10/2023
71	Quyết định	Số 06/2018/QĐ-UBND ngày 12/02/2018	Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc và xây dựng tuyến đường Nam	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của	15/10/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Hùng Vương (đoạn từ Nam cầu Hùng Vương đến Bắc cầu Đà Nông)	UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	
72	Quyết định	Số 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/7/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý đầu tư xây dựng Chương trình bê tông hóa hẻm phố tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15/10/2023
73	Quyết định	Số 18/2019/QĐ-UBND ngày 20/6/2019	Ban hành Quy định phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15/10/2023
74	Quyết định	Số 01/2020/QĐ-UBND ngày 03/01/2020	Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15/10/2023
75	Chỉ thị	Số 31/2007/CT-UBND ngày 12/9/2007	Về quản lý đất đai vùng Hòa Tâm, huyện Đông Hòa	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15/10/2023
I.17. LĨNH VỰC Y TẾ					
76	Quyết định	Số 34/2016/QĐ-UBND ngày 14/7/2016	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Phú Yên	15/6/2023
77	Quyết định	Số 06/2020/QĐ-UBND ngày 03/3/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Ủy		

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			ban nhân dân tỉnh Phú Yên		
Tổng số (I): 77 văn bản					
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: Không có					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ: Không có					
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: Không có					

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---	---

DANH MỤC

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2023**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 74 /QĐ-UBND ngày 17/01/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
I.1. LĨNH VỰC BAN DÂN TỘC					
01	Nghị quyết	- Số 31/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022; - Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	- Điểm b khoản 1 Điều 9; - Khoản 2 Điều 9; - Khoản 2 Điều 13; - Điểm b khoản 3 Điều 16.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	19/12/2023
I.2. LĨNH VỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN					
02	Nghị quyết	- Số 73/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012; - Quy định một số chế độ chỉ tiêu bảo đảm hoạt động của Hội	- Tên gọi Điều 6; - Khoản 1 Điều 7; - Khoản 3 Điều 8; - Điểm a khoản 1; điểm a khoản 2; sửa đổi, bổ sung tên gọi	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của	17/7/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Yên.	khoản 3 Điều 12.	HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 73/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2012 và Nghị quyết số 81/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Yên	
03	Nghị quyết	- Số 81/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND; - Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 73/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về việc quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Yên.	- Khoản 1 Điều 1; - Khoản 5 Điều 1.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 73/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2012 và Nghị quyết số 81/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Yên	17/7/2023
1.3. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
04	Nghị quyết	- Số 13/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019; - Quy định nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	- Khoản 2 Điều 1; - Điều 2; - Điều 3.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt	17/7/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
			Khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 3.	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên	17/7/2023
05	Quyết định	- Số 41/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018; - Ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	- Điều 2; - Khoản 1, 3 và điểm b khoản 4 Điều 4; - Điều 5; - Khoản 1, 2 Điều 6; - Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 7 Điều 7; - Điểm a khoản 3 Điều 8; - Khoản 1 Điều 10; - Khoản 1, khoản 5, khoản 7 Điều 11; - Điều 12; - Điểm a khoản 1 Điều 14.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	08/5/2023
			Khoản 2 Điều 2; Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 8; Điều 9; khoản 2 Điều 10; điểm b khoản 1 Điều 11; điểm b khoản 1 Điều 12.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân	08/5/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I.4. LĨNH VỰC NỘI VỤ					dân tỉnh Phú Yên
06	Quyết định	Số 02/2018/QĐ-UBND ngày 19/01/2018; - Ban hành Quy định các ngành đào tạo phù hợp với các chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	- Điều 1; - Điều 2; - Điều 3; - Điều 5; - Điều 6; - Điều 7; - Điều 8; - Điều 9; - Điều 10.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các ngành đào tạo phù hợp với các chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh	10/4/2023
			- Bỏ cụm từ “nâng ngạch” tại khoản 1 Điều 11; - Điều 4.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các ngành đào tạo phù hợp với các chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh	10/4/2023
I.5. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH					
07	Nghị quyết	- Số 108/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014; - Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện.	Khoản 1, 2 Điều 1	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Nghị quyết số 108/2014/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy	28/10/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện	
I.6. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
08	Quyết định	- Số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019; - Ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 5 năm (2020-2024).	- Khoản 3 phần A Mục III Phụ lục 2; - Điểm 6.2 khoản 6 Phần A Mục VI của Phụ lục 2; - Điểm 8.4 Phần B Mục VI của Phụ lục 2; - Điểm 9.2, 9.3, 9.5, 9.6 khoản 9 Phần B Mục VI của Phụ lục 2	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 05 năm (2020-2024) và Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Phú Yên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND	14/11/2023
			- Thay thế cụm từ “Đường cơ động ven biển” bằng cụm từ “Đường ĐT 649” tại điểm 1.2 khoản 1 phần A Mục III Phụ lục 2; - Thay thế cụm từ “đường cơ động” bằng cụm từ “Đường ĐT 649” tại gạch đầu hàng (-) thứ nhất, điểm 1.4 khoản 1 phần A Mục III Phụ lục 2; - Thay thế cụm từ “đường cơ động” bằng cụm từ “Đường ĐT 649” tại gạch đầu hàng (-) thứ ba, điểm 1.5 khoản 1 phần A Mục III Phụ lục 2; - Thay thế cụm từ “xã An Hòa” bằng cụm từ “xã An Hòa Hải” tại	Được thay thế bằng Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 05 năm (2020-2024) và Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Phú Yên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số	14/11/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>điểm 2.1 khoản 2 phần A Mục III Phụ lục 2;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay thế cụm từ “Đường cơ động ven biển: Đoạn từ giáp ranh xã An Chân đến giáp ranh xã An Hòa” bằng cụm từ “Đường ĐT 649: Đoạn từ giáp ranh xã An Chân đến giáp ranh xã An Hòa Hải” tại điểm 2.3 khoản 2 phần A Mục III Phụ lục 2; - Thay thế cụm từ “Đường cơ động” bằng cụm từ “Đường ĐT 649” tại gạch đầu hàng (-) thứ nhất, điểm 2.4 khoản 2 phần A Mục III Phụ lục 2; - Thay thế cụm từ “An Hòa” bằng cụm từ An Hòa Hải tại điểm 2.6 khoản 2 phần A Mục III Phụ lục 2; - Thay thế cụm từ “Vùng miền núi (04 xã)” bằng cụm từ “Xã đồng bằng (04 xã còn lại)” tại phần B Mục VI Phụ lục 2; - Thay thế cụm từ “Các xã miền núi” bằng cụm từ “Các xã đồng bằng” tại khoản 2 Mục VI Phụ lục 5, khoản 2 Mục VI Phụ lục 6, khoản 2 Mục VI Phụ lục 7, khoản 2 Mục VI Phụ lục 8, khoản 2 Mục VI Phụ lục 9. 	53/2019/QĐ-UBND	
			<ul style="list-style-type: none"> - Bỏ cụm từ “(Xã miền núi)” tại khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 phần B Mục VI Phụ lục 2; - Bãi bỏ khoản 4 phần A Mục III Phụ lục 2 “Giá đất ở tại nông thôn 05 năm (2020-2024)”. 	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của	14/11/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 05 năm (2020-2024) và Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Phú Yên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND	
09	Quyết định	- Số 54/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 5 năm (2020-2024).	- Đỉnh chính cụm từ “Đường rộng 6m” thành “Đường rộng 8 mét” tại Gạch ngang (-) thứ 1, điểm 4.11 khoản 4 Phụ lục số 02; - Đỉnh chính cụm từ “Đường rộng 8m” thành “Đường rộng 12 mét” tại Gạch ngang (-) thứ 2, điểm 4.11 khoản 4 Phụ lục số 02.	Được đỉnh chính tại Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 20/01/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 05 năm (2020-2024) và Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Phú Yên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND	01/2/2023

Tổng số (I): 09 văn bản

II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có					
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có					

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 77 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 18 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ
trong lĩnh vực Tổ chức cán bộ thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội
bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của
UBND tỉnh Phú Yên về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan
hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của ngành Lao động –
Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ
trình số 02/TTr-SLĐTBXH ngày 11 tháng 01 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đơn giản hóa 01 thủ tục hành chính nội bộ
trong lĩnh vực Tổ chức cán bộ thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội
(phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các
cơ quan liên quan xây dựng dự thảo văn bản thực thi phýõng án đõn giản hóa thủ
tục hành chính nội bộ tại Điều 1 của Quyết định này, trình UBND tỉnh xem xét, ban
hành.

Điều 3. Giao Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn
đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan thực
thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động -
Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức cá nhân có
liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
TRONG LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 77 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

Thủ tục: Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Cách thức thực hiện:

- Đề nghị bổ sung cách thức thực hiện là gửi qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ; đồng thời, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thẩm định hồ sơ, báo cáo kết quả cho UBND tỉnh để xem xét, quyết định xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội theo đúng quy định.

Lý do: Tiết kiệm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, đơn giản hóa quá trình thực hiện.

b) Thời hạn giải quyết: Đề nghị bổ sung thời hạn giải quyết là 60 ngày.

Lý do: Đảm bảo thủ tục hành chính được giải quyết kịp thời, tránh tình trạng kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động của các đơn vị sự nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi: Bổ sung cách thức thực hiện, thời gian giải quyết vào Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh

Lộ trình thực hiện: Trước ngày 01/7/2024

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian, quá trình thực hiện thủ tục hành chính.
- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 22 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-BGTVT ngày 10/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 21/TTr-SGTVT ngày 12 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải (*phụ lục kèm theo*).

Điều 2: Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Tấn Hồ

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 85 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Số hồ sơ TTHC	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn	Không có.	Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 23/QĐ-BGTVT ngày 10/01/2024 của Bộ Giao thông vận tải

PHẦN II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục: Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

- Thời hạn giải quyết: **03** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	Công chức của Sở GTVT tham gia tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ

Bước 2	- Tiến hành kiểm tra thành phần, xem xét hồ sơ (bao gồm cả trường hợp phải khảo sát hoặc gia cường đường bộ)	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	01 ngày làm việc
Bước 3	Dự thảo Giấy phép lưu hành xe hoặc có văn bản gửi tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do không cấp Giấy phép lưu hành xe.	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	01 ngày làm việc
Bước 4	Duyệt nội dung - Dự thảo Giấy phép lưu hành; - Văn bản gửi tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do không cấp Giấy phép lưu hành xe.	Lãnh đạo Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	0,5 ngày làm việc
Bước 5	- Xem xét, phê duyệt Giấy phép lưu hành; - Văn bản gửi tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do không cấp Giấy phép lưu hành xe.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải (phụ trách lĩnh vực)	0,5 ngày làm việc
Bước 6	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	Ngay khi Lãnh đạo Sở ký văn bản
Bước 7	Lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và trả kết quả và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi Lãnh đạo Sở ký văn bản
Tổng thời gian giải quyết:			03 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 94 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 23 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập hoạt động hộ kinh doanh và lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 07/TTr-SKHĐT ngày 12/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập Hộ kinh doanh và lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên (*Danh mục thủ tục hành chính theo Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành

chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

- UBND cấp huyện niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Bộ phận Một cửa và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 và Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH VÀ LĨNH VỰC
THÀNH LẬP HỢP TÁC XÃ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 94 /QĐ-UBND ngày 23 / 01/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh						
1.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh (Mã TTHC 1.001612)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện. - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Đăng ký qua mạng điện tử thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. (http://dangkykinhdoanh.gov.vn)	30.000 đồng Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến mức thu là 15.000 đồng	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày	<i>Nội dung còn lại ban hành kèm theo Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>
2.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (Mã TTHC 2.000720)			20.000 đồng Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến mức thu là 10.000 đồng		
3.	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh (Mã TTHC 1.001570)			Không		
4.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (Mã TTHC 1.001266)			Không		
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Mã TTHC 2.000575)			20.000 đồng Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến mức thu là 10.000 đồng		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					16/3/2021; - Nghị quyết 27/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên.	
II. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã						
6.	Đăng ký thành lập hợp tác xã (Mã TTHC 1.005280)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh. - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển 	100.000 đồng Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến mức thu là 50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13n ngày 20/11/2012 - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã - Nghị quyết 27/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên. 	<i>Nội dung còn lại ban hành kèm theo Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<i>Yên về việc Quy định mức thu và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Yên.</i>	
7.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (Mã TTHC 2.002123)	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh -Qua dịch vụ bưu chính công ích - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển	100.000 đồng Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến mức thu là 50.000 đồng	- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13n ngày 20/11/2012 - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã - Nghị quyết 27/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của	<i>Nội dung còn lại ban hành kèm theo Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>
8.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (Mã TTHC 1.004979)		20.000 đồng Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến mức thu là 10.000 đồng			
9.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (Mã TTHC 1.005378)					
10.	Đăng ký khi hợp tác xã chia (Mã TTHC 2.002122)	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh -Qua dịch vụ bưu chính công ích - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành	100.000 đồng Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến mức thu là 50.000 đồng		
11.	Đăng ký khi hợp tác xã tách (Mã TTHC 2.002120)					
12.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất (Mã TTHC 1.005121)					

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
13.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập (Mã TTHC 1.004972)		chính tỉnh. - Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển		<i>HĐND tỉnh Phú Yên về việc Quy định mức thu và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Yên.</i>	
14.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng) (Mã TTHC 2.001973)			20.000 đồng Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến mức thu là 10.000 đồng		
15.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã (Mã TTHC 1.004.982)			Không	- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012	
16.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (Mã TTHC 1.004979)			20.000 đồng Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến mức thu là 10.000 đồng	- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã	<i>Nội dung còn lại ban hành kèm theo Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>
17.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã (Mã TTHC 2.001958)	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh -Qua dịch vụ bưu chính công ích - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Qua mạng điện tử trong	Không	- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã	
18.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh			Không	- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	doanh của liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC 1.005377)		trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển		một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã	
19.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (Mã TTHC 1.005010)			Không	- Nghị quyết 27/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên về việc Quy định mức thu và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	
20.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Mã TTHC 1.004901)			20.000 đồng Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến mức thu là 10.000 đồng		
21.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã (Mã TTHC 1.004.895)					

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 112/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 26 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình, Thư viện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; số 4005/QĐ-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thư viện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 174/TTr-SVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình, Thư viện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cập nhật thủ tục hành

chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (*địa chỉ: dichvucong.phuyen.gov.vn*) theo danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

2. UBND cấp huyện, UBND cấp xã niêm yết, công khai các thủ tục hành chính liên quan tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

Phụ lục 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC GIA ĐÌNH, THƯ VIỆN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VÀ UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 112/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (3 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Gia đình						
1	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn			
3	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Qua dịch vụ bưu chính công ích.			

II. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (2 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Thư viện						
1	Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Không quy định	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 4005/QĐ-BVHTTDL ngày 22/12/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa
2	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là		- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ			

<p>thư viện ngoài công lập; thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam</p>		<p>http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>		<p>2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. - Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành.</p>	<p>đổi, bổ sung trong lĩnh vực thư viện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>
---	--	--	--	---	---

III. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ (12 TTHC)

STT	Số Hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực Gia đình			
1	1.005441	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Luật Phòng chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022
2	1.001420	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	
3	1.001407	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	
4	2.001414	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	
5	1.000919	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	
6	1.000817	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	
7	1.000454	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	
8	1.000433	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
9	1.000379	Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	
10	1.000104	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	
11	2.000022	Thủ tục cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	

12	1.003310	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	
----	----------	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

I. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (2 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Thư viện						
1	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng				<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. - Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành. 	
2	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Qua dịch vụ bưu chính công ích 	Không quy định		Những nội dung còn lại được thực hiện theo Quyết định số 4005/QĐ-BVHTTDL ngày 22/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ (6 TTHC)

STT	Số Hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực Gia đình			
1	1.003243	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Luật Phòng chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022
2	1.003226	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	

		động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	
3	1.003185	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	
4	1.003140	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
5	1.003103	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	
6	1.001874	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (2 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Gia đình						
1	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã					Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTD L ngày 29/11/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	12 giờ kể từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được đề nghị cấm tiếp xúc	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.	

II. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (2 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Thư viện						
1	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Không quy định	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định
2	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất,					

	<p>chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng</p>		<p>tại địa chỉ http://dichvucong.phu.yen.gov.vn - Qua dịch vụ bưu chính công ích</p>		<p>ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. - Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành.</p>	<p>tại Quyết định số 4005/QĐ-BVHTTDL ngày 22/12/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thư viện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>
--	---	--	---	--	--	--

Phụ lục 2

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC GIA ĐÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 112/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIA ĐÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1. Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

- Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình giải quyết:

STT	Người thực hiện	Trình tự các bước thực hiện	Thời gian
Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ	Công dân	Công dân đăng nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn Người nộp hồ sơ lựa chọn: + Nộp hồ sơ trực tuyến + Chọn thủ tục: Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình - Người nộp hồ sơ tải các mẫu đơn, tờ khai theo quy định và điền các thông tin theo mẫu, có thể sử dụng chữ ký số hoặc xác thực qua tài khoản định danh điện tử. - Tích hợp các hồ sơ kèm theo. - Người nộp kiểm tra, cập nhật thông tin bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, hợp pháp.	
Bước 2: Xử lý hồ sơ	Công chức bộ phận một cửa	1. Nhận thông báo có hồ sơ mới trên Hệ thống 2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin: 2.1 Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ và hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 2.2 Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi thông báo không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do. 2.3 Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: - Cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, gửi thông báo tiếp nhận vào tài khoản người gửi hồ sơ. - Chuyển hồ sơ đến công chức phòng thụ lý hồ sơ. 2.4 Trường hợp người nộp hồ sơ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ, gửi thông báo từ chối yêu cầu giải quyết hồ sơ	0,5 ngày làm việc
	Lãnh đạo và công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	1. Truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhận thông báo có hồ sơ mới và tiếp nhận hồ sơ. 2. Phân công cho công chức thụ lý hồ sơ, tham mưu giải quyết. 3. Công chức thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ (biểu mẫu, file đính kèm). - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: thông báo bổ sung hồ sơ; nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (lãnh đạo cơ quan ký), nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo phòng phê duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC.	07 ngày làm việc
	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý	Kiểm tra hồ sơ: Nếu đồng ý: Ký nháy văn bản, trình lãnh đạo Sở ký phê duyệt Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc

	hồ sơ		
	Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phê duyệt nội dung văn bản: Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản kết quả Nếu không đồng ý: Chuyển lại lãnh đạo phòng thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 3: Chuyển trả kết quả giải quyết	Văn thư sở	1. Phát hành văn bản 2. Gửi kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa Sở	0,5 ngày làm việc
	Công chức Bộ phận một cửa	1. Tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn thư Sở. 2. Thông báo cho công dân, tổ chức 3. Đề nghị công dân, tổ chức xuất trình phiếu hẹn (nếu có) 4. Đề nghị ký nhận (nếu có) 5. Trả kết quả cho công dân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	Giờ hành chính
Tổng cộng: 10 ngày làm việc			

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

- Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình giải quyết:

STT	Người thực hiện	Trình tự các bước thực hiện	Thời gian
Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ	Công dân	Công dân đăng nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn Người nộp hồ sơ lựa chọn: + Nộp hồ sơ trực tuyến + Chọn thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình - Người nộp hồ sơ tải các mẫu đơn, tờ khai theo quy định và điền các thông tin theo mẫu, có thể sử dụng chữ ký số hoặc xác thực qua tài khoản định danh điện tử. - Tích hợp các hồ sơ kèm theo. - Người nộp kiểm tra, cập nhật thông tin bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, hợp pháp.	
Bước 2: Xử lý hồ sơ	Công chức bộ phận một cửa	1. Nhận thông báo có hồ sơ mới trên Hệ thống 2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin: 2.1 Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ và hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 2.2 Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi thông báo không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do. 2.3 Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: - Cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, gửi thông báo tiếp nhận vào tài khoản người gửi hồ sơ. - Chuyển hồ sơ đến công chức phòng thụ lý hồ sơ. 2.4 Trường hợp người nộp hồ sơ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ, gửi thông báo từ chối yêu cầu giải quyết hồ sơ	¼ ngày làm việc
	Lãnh đạo và công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	1. Truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhận thông báo có hồ sơ mới và tiếp nhận hồ sơ. 2. Phân công cho công chức thụ lý hồ sơ, tham mưu giải quyết. 3. Công chức thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ (biểu mẫu, file đính kèm). - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: thông báo bổ sung hồ sơ; nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (lãnh đạo cơ quan ký), nêu rõ lý do.	01 ngày làm việc

		- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo phòng phê duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC.	
	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Kiểm tra hồ sơ: Nếu đồng ý: Ký nháy văn bản, trình lãnh đạo Sở ký phê duyệt Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên thụ lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc
	Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phê duyệt nội dung văn bản: Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản kết quả Nếu không đồng ý: Chuyển lại lãnh đạo phòng thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 3: Chuyển trả kết quả giải quyết	Văn thư sở	1. Phát hành văn bản 2. Gửi kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa Sở	¼ ngày làm việc
	Công chức Bộ phận một cửa	1. Tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn thư Sở. 2. Thông báo cho công dân, tổ chức 3. Đề nghị công dân, tổ chức xuất trình phiếu hẹn (nếu có) 4. Đề nghị ký nhận (nếu có) 5. Trả kết quả cho công dân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	Giờ hành chính
Tổng cộng: 03 ngày làm việc			

3. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

- Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình giải quyết:

STT	Người thực hiện	Trình tự các bước thực hiện	Thời gian
Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ	Công dân	Công dân đăng nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https:// dichvucong.phuyen.gov.vn Người nộp hồ sơ lựa chọn: + Nộp hồ sơ trực tuyến + Chọn thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình - Người nộp hồ sơ tải các mẫu đơn, tờ khai theo quy định và điền các thông tin theo mẫu, có thể sử dụng chữ ký số hoặc xác thực qua tài khoản định danh điện tử. - Tích hợp các hồ sơ kèm theo. - Người nộp kiểm tra, cập nhật thông tin bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, hợp pháp.	
Bước 2: Xử lý hồ sơ	Công chức bộ phận một cửa	1. Nhận thông báo có hồ sơ mới trên Hệ thống 2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin: 2.1 Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ và hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 2.2 Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi thông báo không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do. 2.3 Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: - Cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, gửi thông báo tiếp nhận vào tài khoản người gửi hồ sơ. - Chuyển hồ sơ đến công chức phòng thụ lý hồ sơ. 2.4 Trường hợp người nộp hồ sơ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ, gửi thông báo từ chối yêu cầu giải quyết hồ sơ	0,5 ngày làm việc
	Lãnh đạo và công chức	1. Truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhận thông báo có hồ sơ mới và tiếp nhận hồ sơ.	07 ngày làm việc

	phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	2. Phân công cho công chức thụ lý hồ sơ, tham mưu giải quyết. 3. Công chức thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ (biểu mẫu, file đính kèm). - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: thông báo bổ sung hồ sơ; nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (lãnh đạo cơ quan ký), nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo phòng phê duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC.	
	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Kiểm tra hồ sơ: Nếu đồng ý: Ký nháy văn bản, trình lãnh đạo Sở ký phê duyệt Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
	Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phê duyệt nội dung văn bản: Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản kết quả Nếu không đồng ý: Chuyển lại lãnh đạo phòng thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 3: Chuyển trả kết quả giải quyết	Văn thư sở	1. Phát hành văn bản 2. Gửi kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa Sở	0,5 ngày làm việc
	Công chức Bộ phận một cửa	1. Tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn thư Sở. 2. Thông báo cho công dân, tổ chức 3. Đề nghị công dân, tổ chức xuất trình phiếu hẹn (nếu có) 4. Đề nghị ký nhận (nếu có) 5. Trả kết quả cho công dân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	Giờ hành chính
Tổng cộng: 10 ngày làm việc			

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIA ĐÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

1. Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Đối tượng thực hiện: Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị cấm tiếp xúc.
- Quy trình giải quyết:

STT	Người thực hiện	Trình tự các bước thực hiện	Thời gian
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ bằng hình thức trực tuyến, hoặc nộp trực tiếp, hoặc qua dịch vụ bưu điện và trình Chủ tịch UBND cấp xã	01 giờ
Bước 2	Chủ tịch UBND cấp xã	Giao công chức Văn hóa - Xã hội tham mưu, xử lý.	01 giờ
Bước 3	Công chức Văn hóa - Xã hội tham mưu, xử lý	Xem xét hồ sơ, tham mưu trình Chủ tịch UBND xã ký ban hành Quyết định về việc cấm tiếp xúc.	06 giờ
Bước 4	Chủ tịch UBND cấp xã	- Xem xét, ký ban hành Quyết định; - Trường hợp không ra Quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	04 giờ
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Thực hiện các quy trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định; thực hiện trả kết quả cho cho tổ chức, cá nhân.	Giờ hành chính
Tổng cộng: 12 giờ			

2. Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị

- Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị ra quyết định cấm tiếp xúc hoặc người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình không đồng ý với quyết định cấm tiếp xúc.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc.

- Quy trình giải quyết:

STT	Người thực hiện	Trình tự các bước thực hiện	Thời gian
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ bằng hình thức trực tuyến, hoặc nộp trực tiếp, hoặc qua dịch vụ bưu điện và trình Chủ tịch UBND cấp xã	01 giờ
Bước 2	Chủ tịch UBND cấp xã	Giao công chức Văn hóa - Xã hội tham mưu, xử lý.	01 giờ
Bước 3	Công chức Văn hóa - Xã hội tham mưu, xử lý	Xem xét hồ sơ, tham mưu trình Chủ tịch UBND xã ký ban hành Quyết định hủy bỏ quyết định về việc cấm tiếp xúc.	06 giờ
Bước 4	Chủ tịch UBND cấp xã	- Xem xét, ký ban hành Quyết định; - Trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	04 giờ
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Thực hiện các quy trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định; thực hiện trả kết quả cho cho tổ chức, cá nhân.	Giờ hành chính
Tổng cộng: 12 giờ			

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

Số: 114/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 26 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-BYT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Y, Dược cổ truyền được quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Bộ Y tế về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 03/TTr-SYT ngày 12 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành và 04 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và

trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC Y, DƯỢC CỎ TRUYỀN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 114/QĐ –UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền Sở Y tế	07 ngày làm việc	- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên)	Không	Theo Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14/11/2023 của Bộ Y tế	Những nội dung còn lại của thủ tục thực hiện theo Quyết định số 19/QĐ-BYT ngày 03/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế

2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	35 ngày làm việc	- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (206A	2.500.000 đồng	Theo Thông tư số 20/2023/TT-BYT ngày 14/11/2023 của Bộ Y tế	Những nội dung còn lại của thủ tục thực hiện theo Quyết định số 19/QĐ-BYT ngày 03/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế
2	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công (206A			

	BYT		Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên)			
3	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	20 ngày làm việc				
4	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	20 ngày làm việc				

PHẦN II: QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền Sở Y tế

- Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thứ tự	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ. Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn:	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, thẩm định và xử lý hồ sơ. Đồng ý với kết quả xử lý thì trình lãnh đạo. Không đồng ý thì với kết quả thì yêu cầu chỉnh sửa bổ sung.	Phòng chuyên môn phụ trách xử lý, giải quyết	04 ngày làm việc
Bước 3	Đồng ý với kết quả của phòng chuyên môn thì duyệt chuyển bộ phận phát hành. Không đồng ý với kết quả của phòng chuyên môn thì chuyển lại phòng chuyên môn để chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
Bước 4	Làm thủ tục phát hành văn bản. Chuyển bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Văn thư	1 ngày làm việc
Bước 5	Trả kết quả.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			07 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 118 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 26 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-BGTVT ngày 10/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 26/TTr-SGTVT ngày 22/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải (kèm theo Danh mục).

Điều 2: Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật, công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh theo đúng quy định (*chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./\

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Tấn Hồ**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG
SẮT THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số:118 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024
của UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Số hồ sơ TTHC	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	1.004883	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đổi với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn	Không quy định.	Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đường sắt và Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 21/QĐ-BGTVT ngày 10/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 118/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024
của UBND tỉnh Phú Yên)

1. Thủ tục: Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển thông tin trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và hồ sơ giấy cho Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông xử lý.	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; dự thảo văn bản chấp thuận trình UBND tỉnh.	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	4,5 ngày làm việc
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, xác nhận dự thảo văn bản trước khi trình Lãnh đạo Sở ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	½ ngày làm việc
Bước 4	Ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	¼ ngày làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh.	Văn thư Sở	¼ ngày làm việc
Bước 6	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Giao thông vận tải; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý	Công chức tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 7	Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 8	Phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý hồ sơ, lập Phiếu trình xử lý công việc; lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có); trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	Phòng chuyên môn	2 ngày làm việc
Bước 9	Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 10	Kiểm tra và ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 11	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ TTHC cho Sở Giao thông vận tải.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 12	Chuyển kết quả từ Sở Giao thông vận tải đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.	Bưu điện	¼ ngày làm việc
Bước 13	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 135 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 31 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-BGTVT ngày 19/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 27/TTr-SGTVT ngày 24/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải (kèm theo Danh mục).

Điều 2: Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật, công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Tấn Hồ**

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số:135 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Số hồ sơ TTHC	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí, giá	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	1.001001	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	Trường hợp thiết kế đạt yêu cầu: sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.puyen.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo 40.000 đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận); - Giá thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo: 300.000 đồng/chiếc. 	Thông tư số 43/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm	Sở Giao thông vận tải	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 23/QĐ-BGTVT ngày 10/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
2	1.005018	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	Trường hợp không cấp, Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới thông báo văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân ngay trong ngày làm việc sau khi có kết quả nghiệm thu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại trụ sở Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức hợp khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận; - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với ô tô con dưới 10 chỗ: 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận; - Mức giá nghiệm thu Thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng: 910.000 đồng/xe; - Mức giá nghiệm thu Thay đổi hệ thống, tổng thành xe cơ giới, xe máy chuyên dùng: 560.000 đồng/xe. 	Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 23/QĐ-BGTVT ngày 10/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:135/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Yên)

1. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo

- Thời hạn giải quyết: **05** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	Công chức của Sở GTVT tham gia tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả thẩm định, báo cáo lãnh đạo GTVT. - Dự thảo Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế hoặc có văn bản gửi tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do không cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	01 ngày làm việc
Bước 3	Duyệt nội dung - Dự thảo kết quả thẩm định, báo cáo, xác nhận dự thảo văn bản trước khi trình Lãnh đạo Sở ký văn bản trả kết quả; - Văn bản trả lời tổ chức, cá nhân; Văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân do quá hạn giải quyết.	Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	0,5 ngày làm việc
Bước 4	- Xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định, Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế; - Văn bản trả lời tổ chức, cá nhân; Văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân do quá hạn giải quyết.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải (phụ trách lĩnh vực)	0,5 ngày làm việc
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	Ngay khi Lãnh đạo Sở ký văn bản
Bước 6	Lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và trả kết quả và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi Lãnh đạo Sở ký văn bản
Tổng thời gian giải quyết:			05 ngày làm việc

2. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
	Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đầy đủ theo quy định, Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới tiến hành nghiệm thu xe cơ giới cải tạo. Nếu kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu.	Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới	03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu
Tổng thời gian giải quyết:			03 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 139 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 31 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-BNN-TCLN ngày 8 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 27/TTr-SNN và số 28/TTr-SNN ngày 25 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (*địa chỉ: dichvucong.phuyen.gov.vn*) theo danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

2. UBND cấp huyện niêm yết, công khai các thủ tục hành chính liên quan tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 139 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện						
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	22 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững. - Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững	Thực hiện theo Quyết định số 178/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Mã TTHC	Tên TTHC		Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		Được sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung					

Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn								
1	1.000055	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	28 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Quy định về quản lý rừng bền vững. - Khoản 8, Điều 1, Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững	Thực hiện theo Quyết định số 178/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục 2
QUY TRÌNH NỘI BỘ
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 139 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

1. Thủ tục: Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức
*** Thời hạn giải quyết:** 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và hồ sơ giấy cho Chi cục Kiểm lâm xử lý.	Công chức Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung Tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trong giờ hành chính
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết - Lấy ý kiến bằng văn bản các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi chủ rừng được nhà nước giao đất, giao rừng hoặc cho thuê đất, cho thuê rừng về nội dung phương án	- Công chức phòng Sử dụng và Phát triển rừng. - Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm.	03 ngày làm việc
Bước 3	Trả lời ý kiến về phương án quản lý rừng bền vững	- Công chức phòng Sử dụng và Phát triển rừng. - Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm.	10 ngày làm việc
Bước 4	Tổng hợp ý kiến, báo cáo kết quả thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững	- Công chức phòng Sử dụng và Phát triển rừng. - Lãnh đạo UBND tỉnh. - Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm.	15 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến: - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	- Văn thư Chi cục Kiểm lâm - Công chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trong giờ hành chính sau khi có Quyết định
Tổng thời gian giải quyết			28 ngày làm việc

2. Thủ tục: Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái

*** Thời hạn giải quyết:** 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức/cá nhân. - Quét (Scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Công dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho UBND cấp huyện xử lý.	Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trong giờ hành chính

Bước 2	Lấy ý kiến phương án quản lý rừng bền vững: Ủy ban nhân dân cấp huyện lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan về nội dung phương án quản lý rừng bền vững	UBND huyện nơi nhận hồ sơ	03 ngày làm việc
Bước 3	Trả lời ý kiến về phương án quản lý rừng bền vững: các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản	Các cơ quan, đơn vị liên quan	07 ngày làm việc
Bước 4	Tổng hợp ý kiến, ban hành Quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện Báo cáo kết quả thẩm định và phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững	UBND huyện nơi nhận hồ sơ	12 ngày làm việc
Bước 5	- Xác nhận trên cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức/cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trong giờ hành chính sau khi có Quyết định
Tổng thời gian giải quyết			22 ngày làm việc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 01 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực
Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi,
chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 17/TTr-SGDĐT ngày 23 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); thực hiện niêm yết, công khai các thủ tục hành chính liên quan tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị; giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo Quyết định công bố trên.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (*địa chỉ: dichvucong.phuyen.gov.vn*) theo danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện niêm yết, công khai các thủ tục hành chính liên quan và giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo Quyết định công bố trên.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

PHỤC LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 142/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo						
01	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh	- Các đơn vị gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh đến Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 1 hàng năm. - UBND tỉnh hoàn thành đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 02 hàng năm	Các đơn vị nộp hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ dichvucong.phuyen.gov.vn hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Phú Yên (số 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa).	Không	Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 98/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thủ tục hành chính cấp huyện						
01	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện	Các Đơn vị gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện đến Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 01 hàng năm	Các đơn vị nộp hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ dichvucong.phuyen.gov.vn hoặc trực tiếp Bộ phận Một cửa các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 98/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024 của Bộ trưởng Bộ

		- UBND huyện hoàn thành đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện trước ngày 15 tháng 02 hàng năm			huyện, tỉnh.	Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
--	--	---	--	--	--------------	--

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

I. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

1. Thủ tục hành chính: Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh

1.1 Trình tự thực hiện:

Đơn vị cấp tỉnh tổ chức triển khai việc tự đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh theo các bước:

- Thủ trưởng đơn vị thành lập tổ đánh giá;
- Tổ đánh giá xây dựng Báo cáo tự đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh, Bản tổng hợp kết quả đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu; thông tin, số liệu của Báo cáo tự đánh giá và Bản tổng hợp kết quả các tiêu chí, chỉ tiêu được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá;
- Căn cứ kết quả tự đánh giá, nếu đơn vị đạt điều kiện công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh đạt ở mức độ nào thì Thủ trưởng đơn vị gửi hồ sơ đề nghị công nhận ở mức độ đó.

1.2 Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ theo một trong cách thức sau:

Các đơn vị nộp hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ dichvucong.phuyen.gov.vn hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Phú Yên (số 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa).

1.3 Thành phần, số lượng, hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh;
- Báo cáo tự đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh;
- Bản tổng hợp kết quả tự đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4 Thời hạn giải quyết:

- Các Đơn vị gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh đến Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.
- Thời gian hoàn thành việc đánh giá, công nhận đơn vị đạt “Đơn vị học

tập” cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 02 hằng năm.

1.5 Đối tượng thực hiện:

Cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Công an tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉnh; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; Hội nông dân tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội cựu chiến binh tỉnh; doanh nghiệp, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; Cơ sở giáo dục đánh giá, công nhận ở cấp tỉnh; Hội khuyến học tỉnh và các tổ chức xã hội cấp tỉnh, tổ chức xã hội-ngành nghiệp cấp tỉnh khác, tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giáo dục và Đào tạo.

1.7 Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.8 Phí, lệ phí: Không.

1.9 Mẫu quyết định công nhận: Không.

1.10 Yêu cầu, điều kiện: các đơn vị cấp tỉnh phải có kết quả tự đánh giá, công nhận và nộp đầy đủ các hồ sơ đúng thời hạn.

a) Đơn vị cấp tỉnh được công nhận đạt “Đơn vị học tập” cấp tỉnh mức độ 1 khi đạt đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu được quy định tại Điều 12 Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Đơn vị cấp tỉnh được công nhận đạt “Đơn vị học tập” cấp tỉnh mức độ 2 khi đạt đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu được quy định tại Điều 13 Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.11 Căn cứ pháp lý:

Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh.

B. Thủ tục hành chính cấp huyện

I. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

1. Thủ tục hành chính: Đề nghị đánh giá công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện

1.1 Trình tự thực hiện:

Đơn vị cấp huyện tổ chức triển khai việc tự đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện theo các bước:

a) Thủ trưởng đơn vị thành lập Tổ đánh giá;

b) Tổ đánh giá xây dựng Báo cáo tự đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, Bản tổng hợp kết quả đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu; thông tin, số liệu của Báo cáo tự đánh giá và Bản tổng hợp kết quả các tiêu chí, chỉ tiêu được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá;

c) Căn cứ kết quả tự đánh giá, nếu đơn vị đạt điều kiện công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện đạt ở mức độ nào thì Thủ trưởng đơn vị gửi hồ sơ đề nghị công nhận ở mức độ đó.

1.2 Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau:

Các đơn vị nộp hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục

hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ dichvucong.phuyen.gov.vn hoặc trực tiếp Bộ phận Một cửa các huyện, thị xã, thành phố.

1.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a) Tờ trình đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện;
- b) Báo cáo tự đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện;
- c) Bản tổng hợp kết quả tự đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu.

1.4 Thời hạn giải quyết:

a) Các Đơn vị gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện đến Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 01 hằng năm.

b) Thời gian hoàn thành việc đánh giá, công nhận đơn vị đạt “Đơn vị học tập” cấp huyện trước ngày 15 tháng 02 hằng năm.

1.5 Đối tượng thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy; cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; cơ quan ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; Ban chỉ huy quân sự cấp huyện; Công an cấp huyện; Liên đoàn Lao động cấp huyện; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp huyện; Hội nông dân cấp huyện; Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện; Hội cựu chiến binh cấp huyện; doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý của ủy ban nhân dân cấp huyện; Cơ sở giáo dục đánh giá, công nhận ở cấp huyện; Hội khuyến học cấp huyện và các tổ chức xã hội cấp huyện, tổ chức xã hội-nghề nghiệp cấp huyện khác, tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố.

1.7 Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.8 Phí, lệ phí: Không.

1.9 Mẫu quyết định công nhận: Không.

1.10 Yêu cầu, điều kiện: Các đơn vị cấp huyện phải có kết quả tự đánh giá, công nhận và nộp đầy đủ các hồ sơ đúng thời hạn.

a) Đơn vị cấp huyện được công nhận đạt “Đơn vị học tập” cấp huyện mức độ 1 khi đạt đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu được quy định tại Điều 6 Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Đơn vị cấp huyện được công nhận đạt “Đơn vị học tập” cấp huyện mức độ 2 khi đạt đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu được quy định tại Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.11 Căn cứ pháp lý:

Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 143 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 01 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực
Dược phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Quyết định 150/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh
vực Dược phẩm quy định tại Nghị định số 88/2023/NĐ-CP ngày 11/12/2023 của
Chính phủ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 24/TTr-SYT ngày 24
tháng 01 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Dược phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính hoặc các bộ phận tạo thành thủ tục hành chính được quy định trước đây trái

với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 143 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên (206A Trần Hưng Đạo, phường 4, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	800.000 đồng	Nghị định số 88/2023/NĐ-CP ngày 11/12/2023 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược và Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế	Những nội dung còn lại của thủ tục thực hiện theo Quyết định 150/QĐ-BYT ngày 18/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 01 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực Di sản văn hóa, Nhiếp ảnh, Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: số 3638/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; số 12/QĐ-BVHTTDL ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Nhiếp ảnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; số 134/QĐ-BVHTTDL ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 238/TTr-SVHTTDL ngày 23/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết 12 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực Di sản văn hóa, Nhiếp ảnh, Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

- Cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu

quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định (*chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính liên quan tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, cập nhật, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (địa chỉ: dichvucong.phuyen.gov.vn) theo Danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (*chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CÁC LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA, NHIỆP ẢNH, DU LỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 148 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

TT	Số Hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Di sản văn hóa						
1	2.001631	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009. - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010. - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa Thông tin. - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3638/QĐ-BVHTTD L ngày 27/11/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

						<p>vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>-Thông tư số 13/2023/TT BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.</p>
2	1.003835	<p>Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật (thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ)</p>	<p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có</p>		<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009.</p> <p>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của</p>

			<p>liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và</p>			<p>Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 13/2010/TT - BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT - BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.</p>	
--	--	--	--	--	--	---	--

			<p>Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia</p>				
II	Lĩnh vực Du lịch						
1	2.001628	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	3.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 134/QĐ-BVHTTD L ngày 16/01/2024 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao
2	2.001616	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuycen.gov.vn	1.500.000 đồng/giấy phép	- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.	
3	2.001622	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Qua dịch vụ bưu chính công ích.	2.000.000 đồng/giấy phép	- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết	
4	1.001440	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra		200.000đ/ thẻ		
5	1.004628	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ		650.000đ/ thẻ		

		viên du lịch quốc tế	hợp lệ (theo QĐ 1676/QĐ-UBND ngày 23/8/2018)			một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT - BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT -BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	và Du lịch
6	1.004623	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (theo QĐ 1676/QĐ-UBND ngày 23/8/2018)		650.000đ/ thẻ		
7	1.001432	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (theo QĐ 1676/QĐ-UBND ngày 23/8/2018)		650.000đ/ thẻ		
8	1.004614	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (theo QĐ 1676/QĐ-UBND ngày 23/8/2018)		- 650.000 đ/ thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa - 200.000đ/ thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.		
III. Lĩnh vực Nhiếp ảnh							
1	1.001704	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam		- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Qua dịch vụ bưu		-Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh. -Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/QĐ-BVHTTD L ngày 4/1/2024 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Nhiếp ảnh thuộc phạm vi
2	1.001671	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không quy định		

				chính công ích.		của Chính phủ về hoạt động nghiệp vụ ảnh và Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 của Chính phủ quy định về việc thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.	chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
--	--	--	--	-----------------	--	---	---

PHỤ LỤC 2
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC NHIỆP ẢNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 148 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

1.Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam

- Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình giải quyết:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 1	Công chức bộ phận một cửa	1. Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ bằng hình thức trực tuyến hoặc nộp trực tiếp, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. 2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin: 2.1 Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ và hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 2.2 Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi thông báo không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do. 2.3 Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: - Cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, gửi thông báo tiếp nhận vào tài khoản người gửi hồ sơ. - Chuyển hồ sơ đến công chức phòng thụ lý hồ sơ. 2.4 Trường hợp người nộp hồ sơ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ, gửi thông báo từ chối yêu cầu giải quyết hồ sơ.	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo và công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	1. Truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhận thông báo có hồ sơ mới và tiếp nhận hồ sơ. 2. Phân công cho công chức thụ lý hồ sơ, tham mưu giải quyết. 3. Công chức thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ (biểu mẫu, file đính kèm). - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: thông báo bổ sung hồ sơ; nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (lãnh đạo cơ quan ký), nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo phòng phê duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC.	04 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Kiểm tra hồ sơ: Nếu đồng ý: Ký nháy văn bản, trình lãnh đạo Sở ký phê duyệt Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phê duyệt nội dung văn bản: Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản kết quả Nếu không đồng ý: Chuyển lại lãnh đạo phòng thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 5	Văn thư sở	1. Phát hành văn bản	0,5 ngày

		2. Gửi kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa Sở	làm việc
Bước 6	Công chức Bộ phận một cửa	1. Tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn thư Sở. 2. Thông báo cho công dân, tổ chức 3. Đề nghị công dân, tổ chức xuất trình phiếu hẹn (nếu có) 4. Đề nghị ký nhận (nếu có) 5. Trả kết quả cho công dân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	Giờ hành chính
Tổng cộng: 07 ngày làm việc			

2. Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm

- Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình giải quyết:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 1	Công chức bộ phận một cửa	1. Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ bằng hình thức trực tuyến hoặc nộp trực tiếp, hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. 2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin: 2.1 Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ và hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 2.2 Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi thông báo không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do. 2.3 Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: - Cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, gửi thông báo tiếp nhận vào tài khoản người gửi hồ sơ. - Chuyển hồ sơ đến công chức phòng thụ lý hồ sơ. 2.4 Trường hợp người nộp hồ sơ không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ, gửi thông báo từ chối yêu cầu giải quyết hồ sơ.	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo và công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	1. Truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhận thông báo có hồ sơ mới và tiếp nhận hồ sơ. 2. Phân công cho công chức thụ lý hồ sơ, tham mưu giải quyết. 3. Công chức thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ (biểu mẫu, file đính kèm). - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: thông báo bổ sung hồ sơ; nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (lãnh đạo cơ quan ký), nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo phòng phê duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC.	04 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Kiểm tra hồ sơ: Nếu đồng ý: Ký nháy văn bản, trình lãnh đạo Sở ký phê duyệt Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên thụ lý hồ sơ	01 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt nội dung văn bản:	01 ngày

	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản kết quả Nếu không đồng ý: Chuyển lại lãnh đạo phòng thụ lý hồ sơ	làm việc
Bước 5	Văn thư sở	1. Phát hành văn bản 2. Gửi kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa Sở	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Công chức Bộ phận một cửa	1. Tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn thư Sở. 2. Thông báo cho công dân, tổ chức 3. Đề nghị công dân, tổ chức xuất trình phiếu hẹn (nếu có) 4. Đề nghị ký nhận (nếu có) 5. Trả kết quả cho công dân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	Giờ hành chính
Tổng cộng: 07 ngày làm việc			

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 152/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 02 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 19/TTr-SGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND cấp huyện (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc

thẩm quyền, theo đúng quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện niêm yết, công khai các thủ tục hành chính liên quan và giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo Quyết định công bố trên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 2 năm 2024.

Bãi bỏ nội dung công bố liên quan đến thủ tục đề nghị đánh giá công nhận “Cộng đồng học tập cấp xã” được ban hành tại Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH
VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC
QUỐC DÂN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÀ UBND CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 152/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện	- Các huyện, thị xã, thành phố gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện đến Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 4 của năm sau liền kề năm đánh giá. - UBND tỉnh hoàn thành	Các đơn vị nộp hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ dichvucong.phuyen.gov.vn hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Phú Yên (số 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa).	Không	Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 292/QĐ-BGDĐT ngày 16/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ

		đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 5 của năm sau liền kề năm đánh giá.				Giáo dục và Đào tạo.
--	--	--	--	--	--	----------------------

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

T T	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	Đề nghị đánh giá công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã	- Các xã, phường, thị trấn gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã đến Phòng Giáo	Các đơn vị nộp hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ dichvucong.phuyen.gov.vn hoặc trực tiếp Bộ phận Một cửa các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 292/QĐ-BGDĐT ngày 16/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục

		<p>dục và Đào tạo trước ngày 28 tháng 02 của năm sau liền kề năm đánh giá.</p> <p>- UBND huyện hoàn thành đánh giá, công nhận vị đạt “Cộng đồng học tập” cấp xã trước ngày 31 tháng 3 của năm sau liền kề năm đánh giá.</p>				<p>hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>
--	--	---	--	--	--	---

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

I. Tên thủ tục hành chính: Đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện

1. Trình tự thực hiện

Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai việc tự đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện theo trình tự sau đây:

- a) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức thực hiện tự đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện;
- b) Xây dựng báo cáo tự đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện, bản tổng hợp kết quả đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu; thông tin, số liệu của báo cáo tự đánh giá và bản tổng hợp kết quả đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá;
- c) Tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả tự đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện.
- d) Căn cứ kết quả tự đánh giá, nếu huyện đáp ứng đủ điều kiện công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện ở mức độ nào thì ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ đề nghị công nhận ở mức độ đó.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ theo một trong cách thức sau:

Các đơn vị nộp hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ dichvucong.phuyen.gov.vn hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Phú Yên (số 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa).

3. Thành phần, số lượng, hồ sơ:

- a) Tờ trình đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện;
- b) Báo cáo tự đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện;
- c) Bản tổng hợp kết quả tự đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Các huyện, thị xã, thành phố gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện đến Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 4 của năm sau liền kề năm đánh giá.

b) Thời gian hoàn thành việc đánh giá, công nhận đơn vị đạt “Cộng đồng học tập” cấp huyện trước ngày 31 tháng 5 của năm sau liền kề năm đánh giá.

5. Đối tượng thực hiện: Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giáo dục và Đào tạo.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Mẫu quyết định công nhận: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện: các huyện, thị xã, thành phố phải có kết quả tự đánh giá, công nhận và nộp đầy đủ các hồ sơ đúng thời hạn.

a) Các huyện, thị xã, thành phố được công nhận đạt “Cộng đồng học tập” cấp huyện mức độ 1 khi đạt đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu được quy định tại Điều 11 Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã,

huyện, tỉnh.

b) Các huyện, thị xã, thành phố được công nhận đạt “Cộng đồng học tập” cấp huyện mức độ 2 khi đạt đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu được quy định tại Điều 12 Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.

11. Căn cứ pháp lý:

Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.

II. Thủ tục hành chính: Đề nghị đánh giá công nhận “Cộng đồng học tập cấp xã”

1. Trình tự thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai việc tự đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã theo quy trình sau đây:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện tự đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã;

b) Xây dựng báo cáo tự đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, bản tổng hợp kết quả đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu; thông tin, số liệu của báo cáo tự đánh giá và bản tổng hợp kết quả các tiêu chí, chỉ tiêu được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá;

c) Tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả tự đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã.

d) Căn cứ kết quả tự đánh giá, nếu xã đáp ứng đủ điều kiện công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã ở mức độ nào thì ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận ở mức độ đó.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau:

Các đơn vị nộp hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ dichvucong.phuyen.gov.vn hoặc trực tiếp Bộ phận Một cửa các huyện, thị xã, thành phố.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Tờ trình đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã;

b) Báo cáo tự đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã;

c) Bản tổng hợp kết quả tự đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Các xã, phường, thị trấn gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã đến Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày 28 tháng 02 của năm sau liền kề năm đánh giá.

b) Thời gian hoàn thành việc đánh giá, công nhận đơn vị đạt “Cộng đồng học tập” cấp xã trước ngày 31 tháng 3 của năm sau liền kề năm đánh giá.

5. Đối tượng thực hiện: Các xã, phường, thị trấn.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Giáo dục và Đào tạo.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận của trường phòng Giáo dục và Đào tạo.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Mẫu quyết định công nhận: Không.

10. Yêu cầu, điều kiện: Các xã, phường, thị trấn phải có kết quả tự đánh giá, công nhận và nộp đầy đủ các hồ sơ đúng thời hạn.

a) Các xã, phường, thị trấn được công nhận đạt “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 1 khi đạt đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu được quy định tại Điều 6 Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.

b) Các xã, phường, thị trấn được công nhận đạt “Cộng đồng học tập” cấp xã mức độ 2 khi đạt đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu được quy định tại Điều 7 Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.

11. Căn cứ pháp lý:

Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ YÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 07 Độc Lập, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;

Điện thoại: 057.3828747;

Fax: 057.3824842;

Email: congbao@phuyen.gov.vn;

Website: <http://congbao.phuyen.gov.vn>;

In tại: Trung tâm Truyền thông.